TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 17/8/2017
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đình Quyến.

- Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phan Thanh Long.
+ Bà Nguyễn Thị Dung.

Thư ký Tòa án: Ông Nguyễn Đức Minh – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp: *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ông **Lê Đức A**; SN: 1955 *(Có mặt)*
Trú tại : Số 00 đường 3/2, thị trấn N - M, Phù Cát, Bình Định.

Bị đơn : Bà **Hà Thị Kim L;** SN: 1955 *(Có mặt)*
Trú tại : Thôn H-H, xã C - H, huyện Phù Cát, T. Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo khởi kiện xin ly hôn ghi ngày 20/4/2017 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Lê Đức A trình bày:*

Ông với bà Hà Thị Kim L tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã C-T, huyện Phù Cát, tỉnh Nghĩa Bình (cũ) vào ngày 22/10/1977. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa ông và bà Loan hạnh phúc bình thường khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, những mâu thuẫn nhỏ nhặt được vợ chồng tự hòa giải. Đến đầu năm 2015, mâu thuẫn

vợ chồng tiếp tục phát sinh mà nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng về quan điểm sống. Bà L luôn thể hiện thái độ không tôn trọng ông, xem ông không có vai trò gì trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi vả. Cũng từ thời gian này, ông khởi kiện yêu cầu ly hôn, nhưng sau đó do có sự tác động của các con nên ông rút đơn khởi kiện. Từ khi rút đơn khởi kiện cho đến nay, tình cảm vợ chồng vẫn mâu thuẫn, không cải thiện được gì.

Nay ông nhận thấy tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Hà Thị Kim L.

Về con chung: Ông với bà Hà Thị Kim L có 07 người con nhưng đã chết 03 người, hiện còn sống 04 người và đều đã thành niên, có khả năng lao động để nuôi sống bản thân. Vì vậy, nếu ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Ông không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 09/5/2017 và các lời khai tiếp theo, bị đơn bà Hà Thị Kim L trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lê Đức A về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn, cuộc sống hôn nhân giữa bà với ông A hạnh phúc bình thường. Đến đầu năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông A có quan hệ ngoại tình với người đàn bà khác tên là H ở phường B-Đ, TX. A-N nên không chịu làm ăn, không chăm lo cho gia đình, thường xuyên bỏ nhà đi theo người phụ nữ đó.

Nay ông A yêu cầu ly hôn, bà nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn, việc ông A khởi kiện xin ly hôn với bà chủ yếu xuất phát từ động cơ ngoại tình với cô H. Thực tế hiện nay vợ chồng bà tuổi đã lớn, đã có sui gia nên bà muốn giữ thể diện gia đình. Mong muốn của bà là vợ chồng được đoàn tụ để nương tựa, chăm sóc lẫn nhau lúc tuổi già. Do đó, bà không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Lê Đức A.

Về con chung: Bà thống nhất với lời trình bày của ông Lê Đức A là đúng. Khi ly hôn vì các con đã đủ tuổi trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung bà không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- *Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp:* Bản sao giấy chứng nhận kết hôn; bản photocopy sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng minh nhân dân của ông A; bản sao giấy khai sinh của những người con chung của ông A, bà L gồm: anh Lê Đức P, anh Lê Đức P1, chị Lê Thị Bích T, chị Lê Thị Thanh Th.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp: Nội dung các tin nhắn giữa ông A với

bà H (có đơn giải trình chứng cứ kèm theo) và 01 tấm ảnh chụp lại hình ảnh của bà L bị ông A đánh gây thương tích.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai của ông A, bà L và các biên bản hòa giải, biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lê Đức A với bà Hà Thị Kim L kết hôn vào năm 1977 trên cơ sở tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã C-T, huyện Phù Cát, tỉnh Nghĩa Bình (cũ) vào ngày 22/10/1977 nên quan hệ hôn nhân giữa ông A, bà L được pháp luật thừa nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay ông Lê Đức A khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là bà Hà Thị Kim L là trường hợp một trong những tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự - 2015 nên được chấp nhận.

[2] Cả ông A và bà L đều thừa nhận, sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân giữa ông A với bà L hạnh phúc bình thường trong khoảng thời gian dài, đến đầu năm 2015 mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo ông A trình bày là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, bà L xem thường ông, hay mắng chửi ông, xem ông không có vai trò gì trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại. Từ đó quan hệ vợ chồng lạnh nhạt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mức độ mâu thuẫn đã đến mức gay gắt nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Bị đơn bà Hà Thị Kim L thừa nhận quan hệ vơ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2015, nhưng nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là do ông A quan hệ ngoại tình với một người phụ nữ khác tên là H hiện trú tại P. B-Đ, TX. A-N. Từ đó, ông A bỏ bê gia đình, không chăm lo làm ăn, thậm chí còn có hành vi chửi bới, bạo lực gia đình. Nhận thấy mức độ mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, bà và ông A tuổi tác đã cao, nguyện vọng của bà là mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để có cơ hội chăm sóc lẫn nhau lúc tuổi già. Mặt khác, các con của ông bà đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên bà muốn giữ thể diện gia đình với sui gia. Vì vậy, bà không chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Lê Đức A.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phản bác của bị đơn, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy rằng: Ông A và bà L kết hôn và sống chung với nhau trong khoảng thời gian dài hạnh phúc. Lẽ ra, khi đến tuổi xế chiều, tình cảm vợ chồng ngày càng thêm khắng khít, là tấm gương mẫu mực về xây dựng hạnh phúc gia đình để con, cháu noi theo. Tuy nhiên, từ năm 2015 vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt nhưng cả hai đều không có thiện chí chủ động hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Để chứng minh về nguyên nhân chủ yếu làm phát sinh mâu thuẫn vợ chồng là do ông A ngoại tình với một người phụ nữ khác rồi về nhà đánh đập bà, bà L cung cấp cho Tòa án các tin nhắn qua lại giữa ông A với một người phụ nữ tên H được sao chép từ điện thoại di động của ông H và một tấm ảnh chụp từ khuôn mặt của bà L bị đánh gây thương tích. Tại phiên hòa giải ngày 03/7/2017 và tại phiên tòa hôm nay, ông A thừa nhận nội dung các tin nhắn mà bà L cung cấp cho Tòa án là tin nhắn qua lại giữa ông và một người phụ nữ tên H; trú tại phường B-Đ, TX. A-N. Tuy nhiên, ông A không thừa nhận có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ này mà chẳng qua là quan hệ qua đường. Thế nhưng, thông qua việc kiểm tra, đánh giá nội dung các tin nhắn nêu trên, HĐXX có căn cứ để xác định ông A có quan hệ nam nữ không đứng đắn, không trong sáng như những nội dung tin nhắn thông thường của những người đã có vợ, có chồng. Đây được xem là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến tình trạng mâu thuẫn giữa ông và bà L. Do đó, việc ông A khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà L là không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình - 2014 nên không được HĐXX chấp nhận. Xét cần bác đơn khởi kiện của A là phù hợp với quy định của pháp luật, nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng ông có cơ hội hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng.

[3] Các quan hệ khác trong vụ án Hôn nhân và gia đình như quan hệ con chung, quan hệ tài sản và nghĩa vụ tài sản chung giữa đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí DSST: Theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14, ông Lê Đức A phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến như sau:

- Về công tác kiểm sát hoạt động tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các bên đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về hướng đề nghị giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Đức A về việc xin ly hôn bà Hà Thị Kim L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 264, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình – 2014.

***** Tuyên xử:

1- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Lê Đức A về việc yêu cầu ly hôn với bà Hà Thị Kim L.

2- Các quan hệ khác trong vụ án Hôn nhân và gia đình như quan hệ con chung, quan hệ tài sản và nghĩa vụ tài sản chung giữa đương sự không có tranh chấp nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

3- Án phí DSST: Ông Lê Đức A phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp theo biên lai thu số 0001644 ngày 09/5/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Cát.

4- Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

*** *Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Trinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đình Quyến
(Đã ký, đóng dấu)